

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc thành lập đoàn Thực tập sư phạm 2 năm học 2025 - 2026

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1487/QĐ-ĐHQN, ngày 01/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quy định thực tập sư phạm trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 3201/QĐ-ĐHQN, ngày 19/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Kế hoạch đào tạo đại học hệ chính quy năm học 2025-2026 ban hành kèm theo Quyết định số 1817/QĐ-ĐHQN ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập 24 đoàn Thực tập sư phạm 2 năm học 2025 – 2026 gồm các sinh viên (có tên trong danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Thời gian đi Thực tập sư phạm 2: Từ ngày 02/3/2026 đến 25/4/2026.

Địa điểm: Các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non tại tỉnh Gia Lai (có danh sách kèm theo)

**Điều 3.** Sinh viên chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp từ các Ban chỉ đạo Thực tập sư phạm 2 cấp trường và thực hiện các nội dung Thực tập sư phạm 2 theo Quy định về việc Thực tập sư phạm 2 năm học 2025-2026 của Trường Đại học Quy Nhơn.

**Điều 4.** Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Khoa có sinh viên đi Thực tập sư phạm 2 và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Sở GD&ĐT tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Quy Nhơn;
- Phòng VH-XH phường Quy Nhơn;
- UBND phường Quy Nhơn Nam;
- Phòng VH-XH phường Quy Nhơn Nam;
- Các trường có sinh viên đến TTSP2;
- Đoàn TNCSHCM trường ĐHQN;
- Các Ban đại diện sinh viên;
- Ban chỉ đạo TTSP2 Trường ĐHQN;
- Lưu: VT, ĐT.



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng



THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG SINH VIÊN THỰC TẬP SỬ PHẠM 2 NĂM HỌC 2025-2026  
(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Trường TSP2               | Tổng | Giáo dục<br>Mầm non | Giáo dục<br>Tiểu học | Sử phạm<br>KHTN | Sử phạm<br>Lsử - Dly | Giáo dục<br>Thể chất | Giáo dục<br>Chính trị | Sử phạm<br>Địa lý | Sử phạm<br>Hóa học | Sử phạm<br>Sinh học | Sử phạm<br>Tin học | Sử phạm<br>Lịch sử | Sử phạm<br>Ngữ văn | Sử phạm<br>Tiếng Anh | Sử phạm<br>Toán học | Sử phạm<br>Vật lý |
|----|---------------------------|------|---------------------|----------------------|-----------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------|--------------------|--------------------|----------------------|---------------------|-------------------|
| 1  | Mầm non 2/9               | 22   | 22                  |                      |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 2  | Mầm non 8/3               | 22   | 22                  |                      |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 3  | Mầm non Quy Nhơn          | 23   | 23                  |                      |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 4  | Mầm non Hoa Sen           | 23   | 23                  |                      |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 5  | Mầm non Hoa Hồng          | 22   | 22                  |                      |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 6  | Mầm non Hương Sen         | 22   | 22                  |                      |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 1  | TH Lý Thường Kiệt         | 30   |                     | 30                   |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 2  | TH Lê Lợi                 | 25   |                     | 25                   |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 3  | TH Ngô Mỹ                 | 30   |                     | 30                   |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 4  | TH Nguyễn Văn Cừ          | 30   |                     | 30                   |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 5  | TH Quang Trung            | 30   |                     | 30                   |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 6  | TH Võ Văn Dũng            | 30   |                     | 30                   |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 7  | TH Kim Đồng               | 25   |                     | 25                   |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 1  | THCS Lương Thế Vinh       | 44   |                     |                      | 20              | 24                   |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 2  | THCS Lê Hồng Phong        | 44   |                     |                      | 20              | 24                   |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 3  | THCS Quang Trung          | 44   |                     |                      | 20              | 24                   |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 4  | THCS Đống Đa              | 36   |                     |                      | 18              | 18                   |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    |                      |                     |                   |
| 1  | THPT Chuyên Lê Quý Đôn    | 40   |                     |                      |                 |                      | 4                    | 4                     | 2                 | 3                  | 3                   | 3                  | 2                  | 2                  | 12                   | 2                   | 3                 |
| 2  | THPT Quốc Học Quy Nhơn    | 57   |                     |                      |                 |                      | 4                    | 5                     | 2                 | 2                  | 3                   | 4                  | 3                  | 3                  | 24                   | 4                   | 3                 |
| 3  | THPT Trưng Vương          | 64   |                     |                      |                 |                      | 4                    | 4                     | 2                 | 2                  | 2                   | 4                  | 2                  | 4                  | 36                   | 2                   | 2                 |
| 4  | THPT Số 1 Trần Cao Vân    | 53   |                     |                      |                 |                      | 4                    | 4                     | 2                 | 2                  | 2                   | 3                  | 2                  | 3                  | 25                   | 2                   | 4                 |
| 5  | THPT Số 1 Nguyễn Thái Học | 37   |                     |                      |                 |                      | 4                    |                       |                   | 2                  | 2                   | 2                  |                    | 2                  | 21                   | 2                   | 2                 |
| 6  | THPT Hùng Vương           | 19   |                     |                      |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    | 19                   |                     |                   |
| 7  | THPT Số 1 Tuy Phước       | 19   |                     |                      |                 |                      |                      |                       |                   |                    |                     |                    |                    |                    | 19                   |                     |                   |
| 24 | Tổng                      | 791  | 134                 | 200                  | 78              | 90                   | 20                   | 17                    | 8                 | 11                 | 12                  | 16                 | 9                  | 14                 | 156                  | 12                  | 14                |





DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

TẠI TRƯỜNG: MẦM NON 2/9

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành            | Lớp | Mã SV      | Tên SV               | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|------------------|-----|------------|----------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Mầm non | C   | 4459030145 | Y Nhờ                | 03/11/2003 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030008 | Nguyễn Thị Ngọc Bích | 28/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030011 | Nguyễn Thị Bích Diễm | 27/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030012 | Bùi Lê Ngọc Duyên    | 24/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030014 | Puih Nguyễn Mỹ Duyên | 22/10/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0337500167 |
| 6  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030016 | Nguyễn Thị Điệp      | 29/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030017 | Đoàn Nữ Phương Giang | 01/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030018 | Phan Thị Hồng Hà     | 25/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 9  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030019 | Y Hảo                | 26/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030022 | Nguyễn Kiều Hoa      | 22/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030023 | Đàm Thị Hồng         | 09/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030028 | Lưu Thị Huyền        | 28/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030029 | Nguyễn Hồ Xuân Hương | 15/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030030 | Văn Thị Quỳnh Hương  | 08/12/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0866423051 |
| 15 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030031 | Rơ Ô H' Jrim         | 12/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030035 | Nguyễn Thị Thu Kim   | 07/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 17 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030039 | Phạm Khánh Liên      | 14/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030040 | Rơ Châm Liên         | 18/03/2003 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030041 | Nguyễn Thị Liễu      | 03/03/2003 | Nữ        | Trưởng ban     | 0356137600 |
| 20 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030049 | Trần Thị Cẩm Ly      | 22/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 21 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030120 | Đinh Thị Mỹ Dung     | 03/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 22 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030133 | Nay H' Quỳnh         | 15/10/2004 | Nữ        |                |            |

Ấn định danh sách có 22 sinh viên./



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

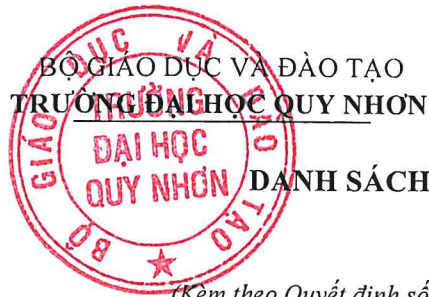
**TẠI TRƯỜNG: MẦM NON 8/3**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành            | Lớp | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|------------------|-----|------------|------------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030051 | Phùng Thị Thu Ngân     | 25/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030057 | Nguyễn Thị Thanh Nhân  | 20/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030059 | Nguyễn Hồng Uyên Nhi   | 18/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030061 | Phạm Thị Tuyết Nhi     | 16/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030062 | Trần Thị Thu Nhi       | 24/04/2003 | Nữ        |                |            |
| 6  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030063 | Lê Thị Nhung           | 19/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030064 | Nguyễn Ngọc Nhung      | 11/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030065 | Hào H' Nhũy            | 02/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 9  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030067 | Trần Thị Mị Như        | 15/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030068 | Từ Thị Quỳnh Như       | 26/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030069 | Văn Hà Như             | 22/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030071 | Lê Thị Nữ              | 19/04/2004 | Nữ        | Trưởng ban     | 0388410122 |
| 13 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030072 | Lê Thị Bảo Oanh        | 08/03/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0977278302 |
| 14 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030073 | Cao Mỹ Phương          | 23/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 15 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030074 | Đinh Thị Phương        | 04/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030077 | Ksor H' He Rin         | 03/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 17 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030078 | Đào Thị Thuý Tâm       | 09/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030079 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 25/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030080 | Nguyễn Thị Thu Thảo    | 16/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030084 | Y Thoang               | 23/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 21 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030085 | Siu H' Thu             | 03/04/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0384214018 |
| 22 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030086 | Kpă H' Thuy            | 14/03/2004 | Nữ        |                |            |

Ấn định danh sách có 22 sinh viên./





**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**TẠI TRƯỜNG: MẦM NON QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành            | Lớp | Mã SV      | Tên SV                  | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|------------------|-----|------------|-------------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Mầm non | C   | 4459030151 | Siu H' Pa Phuê          | 28/01/2003 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Mầm non | C   | 4459030224 | Đinh Thị Vi             | 20/07/2003 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Mầm non | C   | 4459030233 | Siu H' Yi               | 09/11/2002 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Mầm non | C   | 4459030245 | Nguyễn Ngọc Liêm Minh   | 14/02/2003 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Mầm non | C   | 4459030251 | Đinh Thị Huyền Trang    | 12/05/2003 | Nữ        |                |            |
| 6  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030001 | Ksor An                 | 26/06/2002 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030002 | Dương Thị Lan Anh       | 19/11/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0337525491 |
| 8  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030003 | Nguyễn Kim Quỳnh Anh    | 01/08/2004 | Nữ        | Trưởng ban     | 0905057050 |
| 9  | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030021 | Lê Thị Ngọc Hiền        | 04/04/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0962628950 |
| 10 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030087 | Cao Thanh Thuỳ          | 16/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030094 | Lương Thị Cẩm Tiên      | 26/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030098 | Y Trại                  | 26/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030100 | Trần Thị Mỹ Trinh       | 01/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030103 | Nguyễn Đặng Phương Uyên | 19/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 15 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030104 | Y Mai Uyên              | 20/09/2003 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030105 | Trần Tú Văn             | 30/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 17 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030107 | Huỳnh Thị Vi            | 22/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030111 | Diệp Thị Thảo Vy        | 13/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030113 | Rơ Châm Yên             | 08/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030124 | Đỗ Thị Thuỳ Linh        | 17/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 21 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030126 | Huỳnh Lê Hồng Ngọc      | 15/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 22 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030131 | Nguyễn Thị Ngọc Oanh    | 11/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 23 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030136 | Bùi Minh Thư            | 18/05/2004 | Nữ        |                |            |

Ấn định danh sách có 23 sinh viên./.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SỬ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**TẠI TRƯỜNG: MẦM NON HOA SEN**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành            | Lớp | Mã SV      | Tên SV                  | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|------------------|-----|------------|-------------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030004 | Siu H' Ayon             | 30/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030005 | Nguyễn Thị Kim Ánh      | 01/05/2004 | Nữ        | Trưởng ban     | 0862647040 |
| 3  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030006 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh     | 01/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030007 | Lê Thị Bé               | 30/12/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0867805378 |
| 5  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030009 | Văn Thị Chi             | 08/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 6  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030010 | De - Ri                 | 04/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030013 | Nguyễn Phương Duyên     | 29/10/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0368282625 |
| 8  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030020 | Nguyễn Thuý Hằng        | 30/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 9  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030024 | Nguyễn Thu Hồng         | 30/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030025 | Nguyễn Thị Trà Huy      | 03/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030026 | Đỗ Thị Thu Huyền        | 10/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030027 | Lê Nguyễn Thanh Huyền   | 03/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030033 | Phan Thị Thuý Kiều      | 09/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030034 | Trần Thị Thuý Kiều      | 15/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 15 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030036 | Võ Thị Ngọc Lan         | 25/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030037 | Ksor H' Le A            | 14/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 17 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030038 | Bùi Hồng Lê             | 23/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030042 | Nguyễn Huỳnh Khánh Linh | 12/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030043 | Nguyễn Thị Mỹ Linh      | 13/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030045 | Rơ Châm Loan            | 21/06/2003 | Nữ        |                |            |
| 21 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030139 | Nguyễn Thị Tình         | 13/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 22 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030140 | Siu H' Tuyết            | 04/02/2003 | Nữ        |                |            |
| 23 | Giáo dục Mầm non | A   | 4559030145 | Trần Thị Ngọc Quyên     | 10/06/2004 | Nữ        |                |            |

Ấn định danh sách có 23 sinh viên./





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SỬ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**TẠI TRƯỜNG: MẦM NON HOA HỒNG**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-DHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trường Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành            | Lớp | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|------------------|-----|------------|------------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030046 | Ro Ô H' Loen           | 08/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030047 | Nguyễn Thị Kim Lụa     | 20/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030048 | Hà Cẩm Ly              | 13/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030050 | Đinh Thị Kim Ngân      | 19/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030052 | Y Nghiệt               | 21/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 6  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030053 | Đặng Thị Mỹ Ngọc       | 12/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030054 | Lữ Thị Bích Ngọc       | 08/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030055 | Nguyễn Thị Ngọc        | 21/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 9  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030056 | Võ Nguyễn Bảo Ngọc     | 02/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030058 | Nguyễn Thị Mỹ Nhật     | 11/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030066 | Trần Nguyễn Quỳnh Như  | 05/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030070 | Trần Nguyễn Hà Ni      | 24/11/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0398211481 |
| 13 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030076 | Trịnh Thị Diễm Quỳnh   | 01/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030081 | Lơ O Thị Kim Thắm      | 29/01/2004 | Nữ        | Trưởng ban     | 0359879160 |
| 15 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030082 | Nguyễn Lê Hoàng Thi    | 08/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030083 | Puih H' Thoa           | 09/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 17 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030088 | Huỳnh Ngọc Thuý        | 05/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030089 | Nguyễn Thị Phương Thuý | 28/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030090 | Dương Thị Như Thuý     | 10/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030091 | Nguyễn Thị Thanh Thuý  | 29/11/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0362358708 |
| 21 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030092 | Lê Thị Như Thuý        | 10/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 22 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030143 | Huỳnh Thị Mỹ Ngân      | 08/04/2003 | Nữ        |                |            |

Ấn định danh sách có 22 sinh viên./



**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**TẠI TRƯỜNG: MẦM NON HƯƠNG SEN**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành            | Lớp | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|------------------|-----|------------|------------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Mầm non | A   | 4459030103 | Y Lan                  | 03/04/2002 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Mầm non | C   | 4459030104 | Y Lat                  | 20/10/2003 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030075 | Nguyễn Thị Lệ Quyền    | 17/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030093 | Puih H' Thuch          | 26/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030096 | Ngô Thị Thuý Trang     | 13/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 6  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030097 | Trần Thị Thu Trang     | 15/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030099 | Hoàng Vy Trâm          | 27/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030101 | Nguyễn Ngọc Thanh Trúc | 26/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 9  | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030102 | Mẫu Thị Bé Tuyên       | 12/03/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0935773217 |
| 10 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030106 | Hà Vi                  | 16/06/2004 | Nữ        | Trưởng ban     | 0944005610 |
| 11 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030108 | Võ Thị Thảo Viên       | 19/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030114 | Võ Thị Hải Yến         | 16/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030119 | Y Dí                   | 10/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030122 | Nguyễn Thị Diệu Huyền  | 25/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 15 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030123 | Tạ Thị Oanh Kiều       | 28/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030125 | Y Mai                  | 25/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 17 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030127 | Nay H' Nguyệt          | 19/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030134 | Y Ly Sa                | 21/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030138 | Y Thuý Tiên            | 26/06/2003 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030142 | Trần Thị Út Viên       | 05/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 21 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030146 | Nguyễn Hiếu Thuận      | 22/02/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0919848745 |
| 22 | Giáo dục Mầm non | B   | 4559030147 | Nguyễn Nhi Lâm         | 22/04/2004 | Nữ        |                |            |

Ấn định danh sách có 22 sinh viên./.





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**TẠI TRƯỜNG: TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành             | Lớp | Mã SV      | Tên SV                | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|-------------------|-----|------------|-----------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010002 | Nguyễn Cảnh Bình An   | 12/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010004 | Nguyễn Thị Kim Anh    | 04/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010005 | Trần Văn Anh          | 06/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010006 | Trịnh Minh Anh        | 18/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010007 | Đoàn Thị Phương Ánh   | 23/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 6  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010009 | Y Bên                 | 06/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010010 | Nguyễn Thị Khánh Bình | 02/02/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0912997016 |
| 8  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010013 | Triệu Thị Ngọc Châm   | 26/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 9  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010015 | Đỗ Thị Châu           | 19/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010020 | Lê Thị Kim Chung      | 25/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010026 | Nguyễn Thị Vân Dung   | 05/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010027 | Trần Lê Ngọc Dung     | 27/08/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0333942189 |
| 13 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010028 | Nguyễn Thị Duyên      | 30/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010029 | Trương Ngọc Dũng      | 12/01/2004 | Nam       | Trưởng ban     | 0396797385 |
| 15 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010033 | Đinh Thành Đạt        | 02/08/2004 | Nam       |                |            |
| 16 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010037 | Nguyễn Trọng Giáp     | 21/04/2004 | Nam       |                |            |
| 17 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010038 | Ksor H' Giảng         | 10/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010041 | Kpă H' Hang           | 26/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010043 | Nguyễn Thị Thu Hà     | 22/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010046 | Nguyễn Thị Hạnh       | 04/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 21 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010051 | Trần Quốc Hậu         | 03/02/2004 | Nam       |                |            |
| 22 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010054 | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 28/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 23 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010057 | Võ Nguyễn Thu Hiền    | 08/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 24 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010069 | Đinh Thị Thanh Huy    | 28/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 25 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010075 | Thái Ngọc Kim Huyền   | 20/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 26 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010078 | H' Vân                | 28/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 27 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010083 | Hiêng Lăng Lập        | 13/03/2004 | Nam       |                |            |
| 28 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010084 | Ksor H' Len           | 03/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 29 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010092 | Nguyễn Thị Mỹ Linh    | 24/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 30 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010093 | Nông Huyền Linh       | 26/05/2004 | Nữ        |                |            |

Ấn định danh sách có 30 sinh viên./.



**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**TẠI TRƯỜNG: TIỂU HỌC LÊ LỢI**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành             | Lớp | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|-------------------|-----|------------|------------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010094 | Phạm Thị Ái Linh       | 19/11/2003 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010099 | Trần Thị Thu Ly        | 16/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010108 | Phan Thị Hoài Nam      | 05/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010111 | Nguyễn Thị Thu Ngân    | 11/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010112 | Nguyễn Trúc Ngân       | 16/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 6  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010113 | Võ Trần Bảo Ngân       | 21/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010121 | Y Nhất                 | 20/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010122 | Đinh Thị Hồng Nhi      | 12/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 9  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010125 | Nguyễn Thị Quỳnh Nhi   | 15/01/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0836147585 |
| 10 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010128 | Võ Thị Yến Nhi         | 20/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010129 | Rcom H' Nhon           | 05/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010134 | Nguyễn Thị Hồng Như    | 16/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010136 | Võ Quỳnh Như           | 07/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010139 | Ksor H' Ninh           | 28/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 15 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010145 | Phạm Lê Hồng Phương    | 29/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010147 | Sô Minh Quang          | 26/01/2004 | Nam       | Trưởng ban     | 0838507637 |
| 17 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010148 | Lê Tú Quyên            | 23/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010149 | Nguyễn Lê Quyên        | 21/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010152 | Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh | 19/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010154 | Trần Thị Diễm Quỳnh    | 08/01/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0986623761 |
| 21 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010157 | Cù Minh Sơn            | 24/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 22 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010160 | Đỗ Thị Phương Thảo     | 19/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 23 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010161 | Hà Phương Thảo         | 10/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 24 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010164 | Nguyễn Thị Thanh Thảo  | 10/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 25 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010174 | Vũ Thị Thoa            | 17/08/2004 | Nữ        |                |            |

Ấn định danh sách có 25 sinh viên./

*4*



DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

TẠI TRƯỜNG: TIỂU HỌC NGÔ MÂY

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành             | Lớp | Mã SV      | Tên SV                   | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|-------------------|-----|------------|--------------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010001 | H' Siêm Adrong           | 04/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010011 | Trương Thị Như Bông      | 09/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010019 | Hán Thị Xuân Chuẩn       | 15/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010023 | Ksor H' Diêu             | 26/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010024 | Nguyễn Ngọc Huyền Diêu   | 17/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 6  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010025 | Ngô Phương Dung          | 27/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010030 | Ksor H' Zen Đa           | 05/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010034 | Đinh Tiến Đạt            | 18/03/2004 | Nam       |                |            |
| 9  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010035 | Nay H' Đoa               | 05/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010036 | Nguyễn Huỳnh Hương Giang | 15/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010048 | Rơ Ô Mỹ Hằng             | 26/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010050 | Nguyễn Thị Hậu           | 04/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010052 | Kpă H' He                | 20/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010053 | Nguyễn Thị Thanh Hiền    | 11/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 15 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010062 | Đinh Thị Hoa             | 26/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010067 | Rơ Ô H' Huê              | 01/08/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 385054397  |
| 17 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010071 | Đinh Nguyễn Thu Huyền    | 23/03/2004 | Nữ        | Trưởng ban     | 0914029812 |
| 18 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010073 | Lê Thị Thu Huyền         | 31/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010086 | Kpuih H' Lê              | 26/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010087 | Cao Thị Thanh Lễ         | 04/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 21 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010182 | Lê Nguyễn Hoài Thương    | 29/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 22 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010185 | Đinh Thị Kim Toàn        | 10/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 23 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010186 | Chu Thị Thu Trang        | 05/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 24 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010187 | Lã Thảo Trang            | 21/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 25 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010194 | Trần Thị Thu Trúc        | 29/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 26 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010195 | Trương Thanh Trúc        | 08/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 27 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010197 | Y Hồng Tuệ               | 24/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 28 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010198 | Dương Thị Ánh Tuyết      | 04/04/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0366955317 |
| 29 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010209 | Nguyễn Quốc Viện         | 02/01/2004 | Nam       |                |            |
| 30 | Giáo dục Tiểu học | A   | 4559010216 | Dương Bình Yên           | 01/01/2004 | Nữ        |                |            |

DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

TẠI TRƯỜNG: TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN CỪ

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành             | Lớp | Mã SV      | Tên SV                | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|-------------------|-----|------------|-----------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010088 | Nguyễn Thị Mỹ Lệ      | 26/06/2003 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010096 | Puih H' Lịch          | 30/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010100 | Kpă Sao Mai           | 02/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010103 | Phạm Quỳnh My         | 05/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010105 | Trần Thị Mỹ           | 30/01/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0385237231 |
| 6  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010106 | Kator Thị Na          | 08/03/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0908964657 |
| 7  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010109 | Hồ Thị Kim Nga        | 11/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010115 | Ksor H' Ngoat         | 01/02/2003 | Nữ        |                |            |
| 9  | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010119 | Đinh Thị Ánh Nguyệt   | 02/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010126 | Trần Ngọc Yến Nhi     | 17/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010130 | Lê Thị Tuyết Nhung    | 24/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010131 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 17/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010132 | Rơ Châm Nhung         | 09/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010135 | Nguyễn Thị Quỳnh Như  | 30/09/2003 | Nữ        |                |            |
| 15 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010137 | Ksor H' Nhung         | 12/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010138 | Siu H' Ao Ni          | 23/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 17 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010140 | Rơ Châm Noa           | 28/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010144 | Siu Phúc              | 13/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010146 | Cai Thị Phụng         | 12/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010153 | Nguyễn Thị Như Quỳnh  | 07/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 21 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010155 | Rmah H' Sang          | 10/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 22 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010156 | Pinăng Thị Sé         | 02/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 23 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010159 | Đinh Thị Bách Thảo    | 20/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 24 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010163 | Nguyễn Thanh Thảo     | 03/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 25 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010167 | Ksor H' Thách         | 18/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 26 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010169 | Nguyễn Thị Hồng Thắm  | 15/06/2004 | Nữ        | Trưởng ban     | 0372220850 |
| 27 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010172 | Nay Thi               | 23/06/2004 | Nam       |                |            |
| 28 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010173 | Huỳnh Ái Thoa         | 21/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 29 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010175 | Trần Thị Thanh Thuý   | 29/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 30 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010178 | Đinh Thị Anh Thư      | 25/09/2004 | Nữ        |                |            |





**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SỬ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**TẠI TRƯỜNG: TIỂU HỌC QUANG TRUNG**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành             | Lớp | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|-------------------|-----|------------|------------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010003 | Lương Thị Vân Anh      | 01/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010008 | Trần Thị Minh Ánh      | 09/08/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0326781844 |
| 3  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010012 | Nguyễn Thị Bốn         | 22/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010014 | Đỗ Ngọc Bảo Châu       | 26/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010016 | Phạm Thị Linh Châu     | 12/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 6  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010017 | Lê Huệ Chi             | 02/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010018 | Lê Thị Kim Chi         | 24/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010021 | Rmah H' Cuối           | 08/09/2003 | Nữ        |                |            |
| 9  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010031 | Nay H' Đào             | 30/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010032 | Trần Thị Mỹ Đại        | 29/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010042 | Lục Thu Hà             | 09/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010044 | Phạm Trương Ngọc Hào   | 09/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010045 | Lê Thị Hồng Hạnh       | 05/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010049 | Lê Thị Thanh Hậu       | 22/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 15 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010070 | Nguyễn Trương Tấn Huy  | 26/11/2004 | Nam       | Trưởng ban     | 0349437928 |
| 16 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010079 | Huỳnh Duy Khanh        | 27/10/2004 | Nam       |                |            |
| 17 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010179 | La Thị Anh Thư         | 04/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010180 | Nguyễn Ngọc Anh Thư    | 03/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010181 | Tăng Thanh Thư         | 23/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010184 | Hồ Thị Tình            | 01/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 21 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010189 | Nguyễn Thị Hoài Trang  | 20/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 22 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010190 | Nay H' Trái            | 11/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 23 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010191 | Trương Ngọc Huyền Trân | 16/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 24 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010192 | Bling Tre              | 09/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 25 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010196 | Rơ Châm Trương         | 02/09/2003 | Nam       |                |            |
| 26 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010202 | Nông Thị Hồng Tươi     | 26/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 27 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010204 | Đinh Thị Bạch Vân      | 03/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 28 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010208 | Nguyễn Hồng Thảo Vi    | 14/12/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0355466128 |
| 29 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010213 | Đinh Thị Xiên          | 30/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 30 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010214 | Nguyễn Thị Minh Xoan   | 17/10/2003 | Nữ        |                |            |

DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

TẠI TRƯỜNG: TIỂU HỌC VÕ VĂN DŨNG

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành             | Lớp | Mã SV      | Tên SV               | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|-------------------|-----|------------|----------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4459010067 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh   | 22/06/2002 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Tiểu học | A   | 4459010481 | Trương Thị Hồng Thuỷ | 23/09/2003 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4459010646 | Đinh Thị Nga         | 18/01/2003 | Nữ        |                |            |
| 4  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010056 | Trần Thanh Hiền      | 02/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010058 | Lê Thị Thu Hiếu      | 02/01/2003 | Nữ        |                |            |
| 6  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010059 | Rơ Ô Hiệp            | 02/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010061 | Kpă H' Ni            | 28/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010064 | Cao Văn Hoàng        | 01/03/2004 | Nam       |                |            |
| 9  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010066 | Puih H Rim           | 29/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010068 | Cao Văn Huy          | 01/03/2004 | Nam       |                |            |
| 11 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010074 | Nguyễn Lê Ngọc Huyền | 24/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010076 | Hồ Quỳnh Hương       | 18/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010077 | Nguyễn Thị Lan Hương | 11/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010080 | Phan Công Lai        | 13/12/2004 | Nam       | Trưởng ban     | 0869704745 |
| 15 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010081 | Trần Thị Thanh Lam   | 04/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010082 | Huỳnh Thị Ngọc Lan   | 04/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 17 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010089 | Bùi Thị Bích Liên    | 21/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010090 | Hồ Thị Ngọc Liên     | 16/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010091 | Phạm Thị Thuý Liễu   | 22/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010095 | Phạm Thị Thuý Linh   | 05/08/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0926839881 |
| 21 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010097 | Lê Thị Kim Lộc       | 23/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 22 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010098 | Nguyễn Thị Khánh Ly  | 20/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 23 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010101 | Nguyễn Thị Mai       | 17/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 24 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010107 | Đinh Văn Nam         | 13/05/2004 | Nam       |                |            |
| 25 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010110 | Nguyễn Thị Ánh Ngà   | 15/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 26 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010114 | Kpă H' Ngoai         | 30/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 27 | Giáo dục Tiểu học | B   | 4559010116 | Thanh Thị Bích Ngọc  | 19/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 28 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010117 | Trần Thị Hồng Ngọc   | 10/07/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0787613978 |
| 29 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010118 | Kator Nguy           | 02/04/2004 | Nam       |                |            |
| 30 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010120 | Châu Tuyết Nhận      | 15/11/2004 | Nữ        |                |            |



**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**TẠI TRƯỜNG: TIỂU HỌC KIM ĐỒNG**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành             | Lớp | Mã SV      | Tên SV               | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|-------------------|-----|------------|----------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010047 | Hà Thu Hằng          | 03/06/2003 | Nữ        |                |            |
| 2  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010124 | Nguyễn Hồng Thảo Nhi | 24/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 3  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010127 | Trần Thị Nguyệt Nhi  | 07/09/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0338402145 |
| 4  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010133 | Đoàn Võ Quỳnh Như    | 15/06/2003 | Nữ        |                |            |
| 5  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010141 | Ngô Nguyễn Tấn Phát  | 20/02/2004 | Nam       |                |            |
| 6  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010143 | Hồ Ngô Diễm Phúc     | 24/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010150 | Nguyễn Lê Diễm Quỳnh | 26/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010158 | Đặng Võ Phương Thảo  | 23/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 9  | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010165 | Nguyễn Thị Thu Thảo  | 26/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010166 | Phan Thị Như Thảo    | 23/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010171 | Nguyễn Thị Ngọc Thêm | 07/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010176 | Y Thuý               | 18/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010177 | Đặng Thị Thảo Thực   | 12/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010183 | Bùi Phúc Tình        | 02/02/2004 | Nam       | Trưởng ban     | 0338402145 |
| 15 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010188 | Mai Thị Huyền Trang  | 13/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010193 | Nguyễn Thị Triều     | 06/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 17 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010199 | Nguyễn Thị Cẩm Tú    | 30/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010200 | Nguyễn Thị Thanh Tú  | 27/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010201 | Hồ Ngụy Quỳnh Tư     | 19/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 20 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010203 | Ksor H' Uyên         | 21/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 21 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010210 | Hoàng Hạ Vy          | 25/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 22 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010211 | Nguyễn Phạm Trúc Vy  | 11/03/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0762522192 |
| 23 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010217 | Dương Hải Yến        | 06/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 24 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010218 | Vũ Thị Hải Yến       | 05/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 25 | Giáo dục Tiểu học | C   | 4559010221 | Trần Phạm Như Ý      | 01/12/2004 | Nữ        |                |            |

Ấn định danh sách có 25 sinh viên./.

4



**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**TẠI TRƯỜNG: THCS LƯƠNG THẾ VINH**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành                     | Lớp | Mã SV      | Tên SV                | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện            | Điện thoại |
|----|---------------------------|-----|------------|-----------------------|------------|-----------|-------------------------|------------|
| 1  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010001 | Phạm Huỳnh Vân Anh    | 27/02/2004 | Nữ        |                         |            |
| 2  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010002 | Trần Thị Phương Ái    | 25/06/2004 | Nữ        |                         |            |
| 3  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010004 | Nguyễn Lê Tuyết Băng  | 26/12/2004 | Nữ        |                         |            |
| 4  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010005 | Lê Thị Mỹ Cẩm         | 24/09/2004 | Nữ        |                         |            |
| 5  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010006 | Dương Thành Công      | 06/04/2004 | Nam       | Trưởng ban/ Trưởng nhóm | 0862006654 |
| 6  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010007 | Phan Triều Dâng       | 19/05/2004 | Nữ        |                         |            |
| 7  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010008 | Trần Thị Phương Diễm  | 15/07/2004 | Nữ        |                         |            |
| 8  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010009 | Nguyễn Ngọc Diệu      | 14/02/2004 | Nữ        |                         |            |
| 9  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010010 | Thái Mỹ Dung          | 01/01/2002 | Nữ        |                         |            |
| 10 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010011 | Nguyễn Thị Anh Đào    | 10/02/2004 | Nữ        |                         |            |
| 11 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010012 | Phạm Hồ Khánh Đoan    | 25/05/2004 | Nữ        |                         |            |
| 12 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010013 | Nguyễn Thị Quỳnh Giao | 16/01/2004 | Nữ        |                         |            |
| 13 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010014 | Đặng Trần Thu Hà      | 27/01/2004 | Nữ        |                         |            |
| 14 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010015 | Nguyễn Thị Cẩm Hà     | 05/03/2004 | Nữ        |                         |            |
| 15 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010016 | Quyền Thị Hà          | 14/05/2004 | Nữ        |                         |            |
| 16 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010017 | Huỳnh Bùi Thu Hạ      | 21/12/2004 | Nữ        |                         |            |
| 17 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010018 | Nguyễn Minh Hạnh      | 15/05/2004 | Nữ        |                         |            |
| 18 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010019 | Phan Thị Thuý Hằng    | 01/09/2004 | Nữ        | Ủy viên                 | 0389262353 |
| 19 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010021 | Đào Thị Thuý Hiền     | 18/07/2004 | Nữ        |                         |            |
| 20 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010030 | Lê Tấn Lai            | 13/01/2003 | Nam       |                         |            |
| 21 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020001 | Lưu Thị Bích Ái       | 02/11/2004 | Nữ        |                         |            |
| 22 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020003 | Trịnh Thanh An        | 06/01/2004 | Nam       |                         |            |
| 23 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020006 | Nguyễn Đăng Tuấn Anh  | 25/03/2004 | Nam       |                         |            |
| 24 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020007 | Phạm Lan Anh          | 04/05/2004 | Nữ        |                         |            |
| 25 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020008 | Trần Kiều Anh         | 25/11/2004 | Nữ        |                         |            |
| 26 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020009 | Nguyễn Đoàn Á Âu      | 09/09/2004 | Nữ        |                         |            |
| 27 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020010 | Nguyễn Thái Bảo       | 06/06/2004 | Nam       |                         |            |
| 28 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020011 | Nguyễn Thái Bảo       | 18/03/2004 | Nam       |                         |            |
| 29 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020012 | H' Nở Byă             | 21/08/2004 | Nữ        |                         |            |
| 30 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020020 | Hồ Trương Thuý Dương  | 11/03/2004 | Nữ        |                         |            |
| 31 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020021 | Mẫn Đức Đạt           | 15/07/2003 | Nam       |                         |            |



| TT | Ngành                    | Lớp | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện                | Điện thoại |
|----|--------------------------|-----|------------|------------------------|------------|-----------|-----------------------------|------------|
| 32 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020022 | Nguyễn Thị Hồng Đào    | 23/03/2004 | Nữ        |                             |            |
| 33 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020023 | Ksor Đen               | 27/04/2004 | Nam       |                             |            |
| 34 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020024 | Nguyễn Thị Phương Đoan | 06/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 35 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020026 | Rơ Châm H' Hanh        | 06/12/2004 | Nữ        |                             |            |
| 36 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020027 | Lê Thị Phương Hà       | 15/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 37 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020028 | Trần Danh Hải          | 04/11/2004 | Nam       |                             |            |
| 38 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020033 | Nguyễn Thị Thu Hiếu    | 17/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 39 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020034 | Rơ Châm Hiệu           | 22/05/2004 | Nam       |                             |            |
| 40 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020036 | Lê Huỳnh Ngọc Hoài     | 25/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 41 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020037 | Puih H' Phēm           | 28/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 42 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020038 | Trần Hữu Huân          | 17/05/2004 | Nam       |                             |            |
| 43 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020040 | Nguyễn Nhật Huy        | 09/04/2004 | Nam       |                             |            |
| 44 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020041 | Nguyễn Văn Huy         | 21/08/2004 | Nam       | Phó trưởng ban/ Trưởng nhóm | 0377050041 |

Ấn định danh sách có 44 sinh viên./.



DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SỬ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

TẠI TRƯỜNG: THCS LÊ HỒNG PHONG

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành                     | Lớp | Mã SV      | Tên SV               | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện                | Điện thoại |
|----|---------------------------|-----|------------|----------------------|------------|-----------|-----------------------------|------------|
| 1  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010003 | Nguyễn Tú Ân         | 27/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 2  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010022 | Hồ Đắc Hiên          | 03/01/2004 | Nam       |                             |            |
| 3  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010023 | Nguyễn Hoàng Hiệp    | 02/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 4  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010027 | Phạm Thanh Huyền     | 23/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 5  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010028 | Phạm Tấn Anh Khoa    | 07/10/2004 | Nam       |                             |            |
| 6  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010029 | Nguyễn Minh Kiều     | 09/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 7  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010032 | Lê Thị Kiều My       | 23/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 8  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010033 | Nguyễn Thị Thuỳ My   | 19/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 9  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010034 | Nguyễn Thị Trà My    | 20/12/2004 | Nữ        |                             |            |
| 10 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010035 | Lê Thị Ánh Nga       | 07/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 11 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010037 | Trần Nguyễn Bảo Ngân | 05/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 12 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010038 | Lê Vũ Như Nguyên     | 04/12/2004 | Nữ        |                             |            |
| 13 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010039 | Phạm Thị Hồng Nguyệt | 09/09/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban/ Trưởng nhóm | 0343127678 |
| 14 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010041 | Lê Hoàng Yến Nhi     | 22/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 15 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010042 | Nguyễn Ngọc Yến Nhi  | 08/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 16 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010043 | Trần Yến Nhi         | 13/09/2003 | Nữ        |                             |            |
| 17 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010044 | Lê Thị Mỹ Nữ         | 14/11/2004 | Nữ        | Ủy viên                     | 0335077458 |
| 18 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010045 | Phạm Đoàn Lê Ny      | 07/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 19 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010046 | Hoàng Thị Kiều Oanh  | 12/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 20 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010076 | Thái Hoàng Kim Chi   | 02/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 21 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020045 | Đặng Thu Hương       | 01/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 22 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020046 | Nguyễn Thị Thu Hường | 30/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 23 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020047 | Bùi Duy Khánh        | 06/05/2004 | Nam       |                             |            |
| 24 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020048 | Trần Quang Khiêm     | 21/05/2004 | Nam       | Trưởng ban/ Trưởng nhóm     | 0346104827 |
| 25 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020049 | Nguyễn Ngọc Khuê     | 03/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 26 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020050 | Lê Gia Kiệt          | 06/11/2004 | Nam       |                             |            |
| 27 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020051 | Phạm Thị Liễu        | 25/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 28 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020052 | Ngô Thuỳ Linh        | 23/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 29 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020056 | Hoàng Thị Luyến      | 16/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 30 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020059 | Dương Thị Hồng Lý    | 12/12/2003 | Nữ        |                             |            |
| 31 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020063 | Lê Thị Tuyết Ngân    | 02/11/2004 | Nữ        |                             |            |



| TT | Ngành                    | Lớp | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện | Điện thoại |
|----|--------------------------|-----|------------|------------------------|------------|-----------|--------------|------------|
| 32 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020064 | Lương Nguyễn Hồng Ngân | 05/09/2004 | Nữ        |              |            |
| 33 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020069 | Tô Nữ Huỳnh Nhi        | 06/07/2004 | Nữ        |              |            |
| 34 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020070 | Trần Thị Tuyết Nhi     | 21/01/2004 | Nữ        |              |            |
| 35 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020071 | Võ Yến Nhi             | 01/01/2004 | Nữ        |              |            |
| 36 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020073 | Đỗ Thái Như            | 19/04/2004 | Nữ        |              |            |
| 37 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020075 | H Nguyệt Niê           | 20/08/2004 | Nữ        |              |            |
| 38 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020076 | Phạm Nguyễn Ái Nương   | 01/08/2004 | Nữ        |              |            |
| 39 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020079 | Huỳnh Thị Ngọc Phương  | 08/03/2004 | Nữ        |              |            |
| 40 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020082 | Huỳnh Ngọc Tú Quyên    | 25/12/2004 | Nữ        |              |            |
| 41 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020088 | Lê Anh Tài             | 28/07/2004 | Nam       |              |            |
| 42 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020089 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 25/11/2004 | Nữ        |              |            |
| 43 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020090 | Nguyễn Trần Hiền Thảo  | 26/12/2004 | Nữ        |              |            |
| 44 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020118 | Phan Nguyễn Khánh Vy   | 08/08/2004 | Nữ        |              |            |

Ấn định danh sách có 44 sinh viên./.





**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SỬ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**TẠI TRƯỜNG: THCS QUANG TRUNG**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành                     | Lớp | Mã SV      | Tên SV                   | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện                | Điện thoại |
|----|---------------------------|-----|------------|--------------------------|------------|-----------|-----------------------------|------------|
| 1  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010024 | Nguyễn Văn Hoài          | 05/10/2003 | Nam       |                             |            |
| 2  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | A   | 4558010026 | Trần Huy                 | 26/09/2004 | Nam       |                             |            |
| 3  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010047 | Phan Xuân Mạnh Quân      | 28/04/1995 | Nam       |                             |            |
| 4  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010048 | Nguyễn Nguyên Ngọc Quỳnh | 10/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 5  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010049 | Nguyễn Tú Quyên          | 14/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 6  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010050 | Đặng Mai Quỳnh           | 30/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 7  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010051 | Hoàng Thị Quỳnh          | 17/03/2004 | Nữ        |                             |            |
| 8  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010052 | Trương Như Quỳnh         | 06/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 9  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010053 | Phạm Minh Sang           | 03/12/2004 | Nam       |                             |            |
| 10 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010054 | Nguyễn Thị Thanh Tâm     | 04/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 11 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010055 | Trương Thị Mỹ Thanh      | 19/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 12 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010056 | Nguyễn Nhật Thành        | 08/01/2004 | Nam       |                             |            |
| 13 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010057 | Lê Quốc Thắng            | 03/01/2004 | Nam       |                             |            |
| 14 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010058 | Lâm Nguyễn Quỳnh Thi     | 22/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 15 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010059 | Nguyễn Đức Thuận         | 31/03/2004 | Nam       |                             |            |
| 16 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010060 | Phan Thị Thu Thuyết      | 18/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 17 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010061 | Huỳnh Kim Tiến           | 20/07/2004 | Nam       |                             |            |
| 18 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010063 | Lê Thị Thanh Trà         | 27/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 19 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010080 | Vũ Trần Duy              | 22/03/2004 | Nam       |                             |            |
| 20 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010094 | Trần Vui                 | 25/04/2002 | Nam       | Phó trưởng ban/ Trưởng nhóm | 0384705330 |
| 21 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020002 | Bùi Lương Khang An       | 05/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 22 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020004 | Võ Trường An             | 27/01/2003 | Nam       |                             |            |
| 23 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020005 | Cao Nguyễn Lâm Anh       | 18/12/2002 | Nam       |                             |            |
| 24 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020014 | Huỳnh Khải Chính         | 22/08/2004 | Nam       |                             |            |
| 25 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020017 | Nguyễn Thị Mỹ Diệu       | 06/03/2004 | Nữ        | Trưởng ban/ Trưởng nhóm     | 0397816331 |
| 26 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020018 | Trương Thị Kim Diệu      | 10/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 27 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020019 | La Thị Lệ Dung           | 20/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 28 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020025 | Đinh Thị Kiều Giang      | 14/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 29 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020029 | Đinh Trung Hạnh          | 05/04/2004 | Nam       |                             |            |
| 30 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020031 | Lê Công Hậu              | 16/03/2004 | Nam       |                             |            |
| 31 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020032 | Trần Thu Hiền            | 28/08/2004 | Nữ        |                             |            |



| TT | Ngành                    | Lớp | Mã SV      | Tên SV                  | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện | Điện thoại |
|----|--------------------------|-----|------------|-------------------------|------------|-----------|--------------|------------|
| 32 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020035 | Dương Thị Hoa           | 24/02/2004 | Nữ        |              |            |
| 33 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020044 | Phan Nguyễn Thảo Huyền  | 31/05/2004 | Nữ        |              |            |
| 34 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020053 | Nguyễn Hương Linh       | 25/05/2004 | Nữ        |              |            |
| 35 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020054 | Phùng Khánh Linh        | 16/08/2004 | Nữ        |              |            |
| 36 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020055 | Trương Đức Hoàn Lộc     | 19/10/2004 | Nam       |              |            |
| 37 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020065 | Nguyễn Thanh Ngân       | 23/06/2004 | Nữ        |              |            |
| 38 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020083 | Nguyễn Thị Ngọc Quyên   | 27/08/2004 | Nữ        |              |            |
| 39 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020108 | Đặng Thị Thuỳ Trinh     | 01/09/2004 | Nữ        |              |            |
| 40 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020109 | Đinh Nguyễn Huyền Trinh | 19/07/2004 | Nữ        | Ủy viên      | 0971507908 |
| 41 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020110 | Rơ Mãnh H' Trúc         | 30/06/2004 | Nữ        |              |            |
| 42 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020114 | Nguyễn Thị Thảo Vân     | 05/06/2004 | Nữ        |              |            |
| 43 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | A   | 4558020117 | Nguyễn Thị Bích Vy      | 04/09/2004 | Nữ        |              |            |
| 44 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020120 | Võ Thị Thuý Yên         | 06/01/2004 | Nữ        |              |            |

Ấn định danh sách có 44 sinh viên./.



DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026  
TẠI TRƯỜNG: THCS ĐỒNG ĐA

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

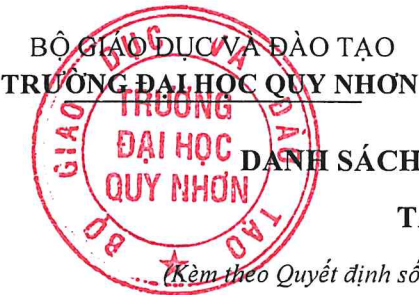
| TT | Ngành                     | Lớp | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện                | Điện thoại |
|----|---------------------------|-----|------------|------------------------|------------|-----------|-----------------------------|------------|
| 1  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010062 | Phan Thị Thuỷ Trang    | 23/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 2  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010064 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm   | 02/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 3  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010065 | Lê Thị Tuyết Trinh     | 29/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 4  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010066 | Lại Thanh Trúc         | 15/12/2004 | Nữ        |                             |            |
| 5  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010069 | Phạm Lê Cẩm Tuyền      | 16/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 6  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010070 | Hà Thanh Vân           | 08/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 7  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010071 | Nguyễn Thị Hồng Vân    | 05/12/2004 | Nữ        | Trưởng ban/ Trưởng nhóm     | 0367185004 |
| 8  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010072 | Đoàn Thị Phương Vy     | 27/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 9  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010073 | Huỳnh Thị Yến Vy       | 19/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 10 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010075 | Cao Thị Ngọc Xuân      | 16/01/2004 | Nữ        |                             |            |
| 11 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010077 | Nguyễn Lương Khương An | 02/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 12 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010083 | Nguyễn Thuý Hằng       | 29/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 13 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010092 | Trần Thanh Tâm         | 23/03/2004 | Nữ        |                             |            |
| 14 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010098 | Phạm Thuỷ Dương        | 27/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 15 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010100 | Trương Thị Mỹ Hoa      | 24/07/2003 | Nữ        |                             |            |
| 16 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010103 | Siu H' Kim             | 25/09/2003 | Nữ        |                             |            |
| 17 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010109 | Nguyễn Thị Hồng Phúc   | 14/11/2002 | Nữ        |                             |            |
| 18 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | B   | 4558010113 | Nguyễn Hồ Bảo Trân     | 21/02/2003 | Nữ        |                             |            |
| 19 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020060 | Tô Thị Xuân Mai        | 15/12/2004 | Nữ        |                             |            |
| 20 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020067 | Lại Thị Yến Nhi        | 21/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 21 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020077 | Đỗ Thị Hơ Ny           | 15/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 22 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020080 | Nguyễn Thị Lan Phương  | 12/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 23 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020081 | Phạm Thị Thục Quyên    | 07/12/2004 | Nữ        |                             |            |
| 24 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020091 | Phan Thị Thanh Thảo    | 18/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 25 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020095 | Lê Thị Phương Thuỷ     | 19/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 26 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020096 | Nguyễn Hồ Thu Thuỷ     | 15/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 27 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020097 | Nguyễn Hoàng Anh Thư   | 13/01/2004 | Nữ        |                             |            |
| 28 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020098 | Nguyễn Thị Minh Thư    | 04/06/2003 | Nữ        |                             |            |
| 29 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020101 | Lê Phương Thy          | 21/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 30 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | B   | 4558020102 | Huỳnh Thị Cẩm Tiên     | 09/07/2004 | Nữ        | Ủy viên                     | 0334084562 |
| 31 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý  | A   | 4558020104 | Trần Trung Tiến        | 01/04/2002 | Nam       | Phó trưởng ban/ Trưởng nhóm | 0987865504 |



| TT | Ngành                    | Lớp | Mã SV      | Tên SV                  | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện | Điện thoại |
|----|--------------------------|-----|------------|-------------------------|------------|-----------|--------------|------------|
| 32 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020107 | Phạm Thị Thanh Trà      | 29/03/2004 | Nữ        |              |            |
| 33 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020111 | Đinh Minh Tuấn          | 31/03/2004 | Nam       |              |            |
| 34 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020113 | Nguyễn Phan Trọng Tường | 17/04/2004 | Nam       |              |            |
| 35 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020116 | Nguyễn Thanh Vương      | 11/04/2004 | Nam       |              |            |
| 36 | Sư phạm Lịch sử - Địa lý | B   | 4558020121 | Ksor H' Yuen            | 26/06/2004 | Nữ        |              |            |

Ấn định danh sách có 36 sinh viên./.





DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

TẠI TRƯỜNG: THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trường Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành              | Lớp  | Mã SV      | Tên SV                  | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện                | Điện thoại |
|----|--------------------|------|------------|-------------------------|------------|-----------|-----------------------------|------------|
| 1  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040001 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh     | 06/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 2  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040004 | Huỳnh Thị Mỹ Duyên      | 20/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 3  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040019 | Nguyễn Thanh Tín        | 14/10/1996 | Nam       |                             |            |
| 4  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040022 | Nguyễn Trần Lê Tường Vi | 02/09/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0852718929 |
| 5  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020005 | Nguyễn Tấn Chính        | 16/10/2003 | Nam       | Trưởng nhóm                 | 0398005719 |
| 6  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020009 | Nguyễn Ngọc Hải         | 17/07/2004 | Nam       |                             |            |
| 7  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020023 | Nguyễn Vũ Trọng Quang   | 02/02/2003 | Nam       |                             |            |
| 8  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020032 | Trần Minh Vũ            | 09/05/2002 | Nam       |                             |            |
| 9  | Sư phạm Địa lý     | SPĐL | 4556030001 | Phạm Quốc Lâm           | 01/02/2004 | Nam       | Ủy viên/ Trưởng nhóm        | 0366079080 |
| 10 | Sư phạm Địa lý     | SPĐL | 4556030009 | Rlan Trường             | 11/06/1999 | Nam       |                             |            |
| 11 | Sư phạm Hóa học    | SPHH | 4552010007 | Nguyễn Văn Thường       | 19/02/2004 | Nam       | Trưởng nhóm                 | 0777427908 |
| 12 | Sư phạm Hóa học    | SPHH | 4552010008 | Huỳnh Thị Thanh Trâm    | 06/01/2004 | Nữ        |                             |            |
| 13 | Sư phạm Hóa học    | SPHH | 4552010011 | Nguyễn Hồ Duy           | 24/07/2004 | Nam       |                             |            |
| 14 | Sư phạm Lịch sử    | SPLS | 4556020005 | Trương Thị Mỹ Ly        | 12/10/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0348307749 |
| 15 | Sư phạm Lịch sử    | SPLS | 4556020010 | Nguyễn Thị Ánh Vi       | 16/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 16 | Sư phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010003 | Huỳnh Trần Ngọc Hân     | 14/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 17 | Sư phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010013 | Đỗ Nhật Uyên            | 25/07/2004 | Nữ        | Trưởng ban/ Trưởng nhóm     | 0348439317 |
| 18 | Sư phạm Sinh học   | SPSH | 4553010001 | Lê Nguyễn Thanh Bình    | 13/11/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban/ Trưởng nhóm | 0945308076 |
| 19 | Sư phạm Sinh học   | SPSH | 4553010008 | Trần Thị Thanh Nga      | 09/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 20 | Sư phạm Sinh học   | SPSH | 4553010012 | Phạm Đào Huyền Trang    | 26/03/2004 | Nữ        |                             |            |
| 21 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010012 | Huỳnh Giang Băng        | 10/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 22 | Sư phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010037 | Nguyễn Lê Hoàng Hạnh    | 30/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 23 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010059 | Nguyễn Bích Lâm         | 07/01/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0846767397 |
| 24 | Sư phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010061 | Bùi Cao Khánh Linh      | 09/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 25 | Sư phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010072 | Võ Thị Ly               | 25/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 26 | Sư phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010077 | Đoàn Huỳnh Trúc Mơ      | 01/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 27 | Sư phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010092 | Nguyễn Khánh Ngự        | 16/04/2004 | Nam       |                             |            |
| 28 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010095 | Trần Hoàng Nhi          | 07/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 29 | Sư phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010136 | Phạm Đặng Thuỷ Trang    | 09/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 30 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010138 | Nguyễn Bích Trâm        | 15/01/2004 | Nữ        |                             |            |
| 31 | Sư phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010145 | Nguyễn Hàn Minh Triết   | 22/09/2004 | Nam       |                             |            |



| TT | Ngành             | Lớp    | Mã SV      | Tên SV              | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện | Điện thoại |
|----|-------------------|--------|------------|---------------------|------------|-----------|--------------|------------|
| 32 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010153 | Cao Nhã Uyên        | 19/08/2004 | Nữ        |              |            |
| 33 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130005 | Nguyễn Trà My       | 13/07/2004 | Nữ        |              |            |
| 34 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130010 | Nguyễn Nam Tâm Phúc | 06/01/2004 | Nam       |              |            |
| 35 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130013 | Phạm Thị Thu Thuý   | 14/08/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm  | 0327808187 |
| 36 | Sư phạm Toán học  | SPToán | 4551010003 | Nguyễn Huy Hoàng    | 17/03/2004 | Nam       | Trưởng nhóm  | 0762714448 |
| 37 | Sư phạm Toán học  | SPToán | 4551010007 | Huỳnh Thị Ánh Ngọc  | 19/02/2004 | Nữ        |              |            |
| 38 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020001 | Huỳnh Tiến Chúc     | 14/04/2004 | Nam       |              |            |
| 39 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020008 | Phạm Thị Hà Vy      | 30/11/2003 | Nữ        | Trưởng nhóm  | 0917287349 |
| 40 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020021 | Huỳnh Thị Anh Thư   | 03/10/2003 | Nữ        |              |            |

Ấn định danh sách có 40 sinh viên./
 



**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**TẠI TRƯỜNG: THPT QUỐC HỌC QUY NHƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

| TT | Ngành              | Lớp  | Mã SV      | Tên SV               | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện                | Điện thoại |
|----|--------------------|------|------------|----------------------|------------|-----------|-----------------------------|------------|
| 1  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040003 | Lại Thị Xuân Dung    | 19/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 2  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040005 | Đào Thị Dũng         | 16/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 3  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040009 | Lương Duy Gia Hân    | 16/11/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban/ Trưởng nhóm | 0794655289 |
| 4  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040011 | Rơ Lan H' Niên       | 25/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 5  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040017 | Kpă Thu              | 02/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 6  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020016 | Hồ Đắc Phi Hùng      | 14/11/2002 | Nam       |                             |            |
| 7  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020022 | Hà Vĩ Quang          | 07/04/2003 | Nam       |                             |            |
| 8  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020025 | Trần Hữu Thành       | 15/01/2002 | Nam       |                             |            |
| 9  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020031 | Nguyễn Thanh Trúc    | 31/10/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0335520058 |
| 10 | Sư phạm Địa lý     | SPDL | 4556030003 | Nguyễn Thị Hồng Lụa  | 16/11/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0342640174 |
| 11 | Sư phạm Địa lý     | SPDL | 4556030008 | Đặng Kiều Nhân Tiến  | 02/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 12 | Sư phạm Hóa học    | SPHH | 4552010001 | Nguyễn Sê Chín       | 27/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 13 | Sư phạm Hóa học    | SPHH | 4552010009 | Nguyễn Viết Trung    | 14/04/2004 | Nam       | Trưởng nhóm                 | 0935760788 |
| 14 | Sư phạm Lịch sử    | SPLS | 4556020002 | Phạm Thị Hoàng Hoanh | 11/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 15 | Sư phạm Lịch sử    | SPLS | 4556020003 | Nguyễn Thị Kim Hồng  | 20/12/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0961510729 |
| 16 | Sư phạm Lịch sử    | SPLS | 4556020004 | Bo Bo Quốc Hùng      | 12/03/2004 | Nam       |                             |            |
| 17 | Sư phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010008 | Lê Thị Trần Nhạn     | 03/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 18 | Sư phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010009 | Phan Tâm Như         | 01/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 19 | Sư phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010010 | Đào Thị Phương Thảo  | 01/09/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0327028727 |
| 20 | Sư phạm Sinh học   | SPSH | 4553010004 | Lê Thị Thanh Hà      | 02/01/2004 | Nữ        |                             |            |
| 21 | Sư phạm Sinh học   | SPSH | 4553010007 | Pinăng Nam           | 29/07/2004 | Nam       |                             |            |
| 22 | Sư phạm Sinh học   | SPSH | 4553010009 | Lương Thị Ngà        | 09/10/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0961641927 |
| 23 | Sư phạm Tiếng Anh  | E    | 4457010356 | Trương Thị Bích Ly   | 28/10/2003 | Nữ        |                             |            |
| 24 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010006 | Nguyễn Vũ Mai Anh    | 21/01/2004 | Nữ        | Trưởng ban/ Trưởng nhóm     | 0899085905 |
| 25 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010010 | Võ Thị Kim Anh       | 19/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 26 | Sư phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010029 | Phạm Thị Bích Đào    | 11/08/2003 | Nữ        |                             |            |
| 27 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010044 | Nguyễn Minh Hiếu     | 13/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 28 | Sư phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010045 | Trần Vũ Hiếu         | 16/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 29 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010046 | Phạm Xuân Minh Hoàng | 18/09/2004 | Nam       |                             |            |
| 30 | Sư phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010048 | Vũ Lê Huy            | 06/09/2004 | Nam       |                             |            |
| 31 | Sư phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010065 | Phạm Thị Khánh Linh  | 07/07/2004 | Nữ        |                             |            |



| TT | Ngành             | Lớp    | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện         | Điện thoại |
|----|-------------------|--------|------------|------------------------|------------|-----------|----------------------|------------|
| 32 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010084 | Bùi Thị Xuân Ngân      | 12/09/2004 | Nữ        |                      |            |
| 33 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010086 | Phạm Tuấn Nghĩa        | 22/12/2003 | Nam       |                      |            |
| 34 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010091 | Nguyễn Hoài Như Nguyệt | 19/10/2004 | Nữ        |                      |            |
| 35 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010094 | Phạm Ngọc Yến Nhi      | 26/08/2004 | Nữ        |                      |            |
| 36 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010098 | Nguyễn Hồng Nhung      | 24/07/2004 | Nữ        |                      |            |
| 37 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010101 | Nguyễn Tô Kiều Oanh    | 29/10/2004 | Nữ        |                      |            |
| 38 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010112 | Võ Thị Quỳnh           | 05/10/2004 | Nữ        |                      |            |
| 39 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010114 | Lê Minh Tài            | 06/03/2004 | Nam       |                      |            |
| 40 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010120 | Lê Ngọc Phương Thảo    | 22/11/2004 | Nữ        |                      |            |
| 41 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010123 | Phùng Hiền Thảo        | 16/01/2004 | Nữ        |                      |            |
| 42 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010139 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm   | 05/12/2004 | Nữ        |                      |            |
| 43 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010141 | Trịnh Minh Trâm        | 28/07/2004 | Nữ        |                      |            |
| 44 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010160 | Nguyễn Ái Vy           | 10/06/2004 | Nữ        |                      |            |
| 45 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010161 | Nguyễn Thị Thảo Vy     | 17/07/2004 | Nữ        |                      |            |
| 46 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010163 | Trần Lê Hà Vy          | 09/07/2004 | Nữ        |                      |            |
| 47 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130003 | Nguyễn Thị Ý Dung      | 07/02/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm          | 0865360079 |
| 48 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130004 | Nguyễn Ngọc Điệp       | 20/11/2004 | Nam       |                      |            |
| 49 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130007 | Trần Thị Thanh Ngân    | 10/08/2004 | Nữ        |                      |            |
| 50 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130009 | Kiều Nữ Quỳnh Như      | 16/08/2004 | Nữ        |                      |            |
| 51 | Sư phạm Toán học  | SPToán | 4551010011 | Nguyễn Thị Quy Trang   | 23/10/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm          | 0357922876 |
| 52 | Sư phạm Toán học  | SPToán | 4551010012 | Phạm Thị Thuỳ Trang    | 18/11/2004 | Nữ        |                      |            |
| 53 | Sư phạm Toán học  | SPToán | 4551010013 | Đinh Lam Tuyền         | 03/03/2004 | Nữ        |                      |            |
| 54 | Sư phạm Toán học  | SPToán | 4551010014 | Trần Lê Vy             | 01/01/2004 | Nữ        |                      |            |
| 55 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020002 | Hà Xuân Đạt            | 16/09/2004 | Nam       |                      |            |
| 56 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020020 | Trần Thu Hằng          | 16/07/2004 | Nữ        |                      |            |
| 57 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020043 | Hà Ngọc Thu Phương     | 17/11/2004 | Nữ        | Ủy viên/ Trưởng nhóm | 0919861714 |

Ấn định danh sách có 57 sinh viên./.



DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

TẠI TRƯỜNG: THPT TRƯNG VƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành              | Lớp  | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện                | Điện thoại |
|----|--------------------|------|------------|------------------------|------------|-----------|-----------------------------|------------|
| 1  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040002 | Dương Lê Bảo Dung      | 06/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 2  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040007 | Phạm Thị Mỹ Hào        | 03/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 3  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040012 | Huỳnh Gia Huy          | 19/10/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0854655248 |
| 4  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040021 | Đỗ Thị Ánh Tuyết       | 27/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 5  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020003 | Trần Ngọc Bảo          | 25/09/2004 | Nam       |                             |            |
| 6  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020008 | Văn Đông Giang         | 03/08/2004 | Nam       |                             |            |
| 7  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020019 | Trần Phan Đức Nguyên   | 28/01/2003 | Nam       |                             |            |
| 8  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020020 | Nguyễn Hồ Hữu Phát     | 12/03/2004 | Nam       | Trưởng nhóm                 | 0935025884 |
| 9  | Sư phạm Địa lý     | SPDL | 4556030006 | Đinh Văn Tâm           | 02/01/2004 | Nam       |                             |            |
| 10 | Sư phạm Địa lý     | SPDL | 4556030010 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 23/10/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban/ Trưởng nhóm | 0344237720 |
| 11 | Sư phạm Hóa học    | SPHH | 4552010004 | Võ Ngọc Trà My         | 01/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 12 | Sư phạm Hóa học    | SPHH | 4552010006 | Hồ Đoàn Phương Thảo    | 15/03/2004 | Nữ        | Ủy viên/ Trưởng nhóm        | 0915546159 |
| 13 | Sư phạm Lịch sử    | SPLS | 4556020006 | Trần Thị Diệu My       | 15/08/2003 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0328142543 |
| 14 | Sư phạm Lịch sử    | SPLS | 4556020008 | Lê Thị Ngọc Như        | 18/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 15 | Sư phạm Ngữ văn    | SPNV | 4456010142 | Nguyễn Thị Lan Anh     | 06/11/2001 | Nữ        |                             |            |
| 16 | Sư phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010002 | Huỳnh Huyền Dịu        | 27/09/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0398476707 |
| 17 | Sư phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010011 | Trần Thị Thanh Thảo    | 19/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 18 | Sư phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010012 | Nguyễn Thị Anh Thu     | 21/03/2003 | Nữ        |                             |            |
| 19 | Sư phạm Sinh học   | SPSH | 4553010010 | Nguyễn Thị Lệ Như      | 12/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 20 | Sư phạm Sinh học   | SPSH | 4553010013 | Võ Nguyễn Hạnh Uyên    | 04/12/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0339774397 |
| 21 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4357010018 | Nguyễn Thị Chi         | 20/02/2002 | Nữ        | Trưởng ban/ Trưởng nhóm     | 0364672632 |
| 22 | Sư phạm Tiếng Anh  | E    | 4457010438 | Nguyễn Thị Bảo Thoa    | 22/10/2003 | Nữ        |                             |            |
| 23 | Sư phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010011 | Châu Thị Ngọc Ánh      | 08/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 24 | Sư phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010014 | Hoàng Minh Châu        | 20/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 25 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010016 | Đinh Thị Kim Chi       | 13/03/2003 | Nữ        |                             |            |
| 26 | Sư phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010018 | Nguyễn Thành Chung     | 01/12/2004 | Nam       |                             |            |
| 27 | Sư phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010024 | Ngô Kim Dung           | 07/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 28 | Sư phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010031 | Huỳnh Thu Giang        | 03/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 29 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010033 | Trần Thị Trúc Giang    | 24/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 30 | Sư phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010034 | Nguyễn Thị Hà          | 05/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 31 | Sư phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010040 | Đoàn Huyền Hân         | 20/02/2004 | Nữ        |                             |            |



| TT | Ngành             | Lớp    | Mã SV      | Tên SV                    | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện | Điện thoại |
|----|-------------------|--------|------------|---------------------------|------------|-----------|--------------|------------|
| 32 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010047 | Phan Lê Kim Huệ           | 19/11/2004 | Nữ        |              |            |
| 33 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010049 | Nguyễn Song Khánh Huyền   | 23/12/2004 | Nữ        |              |            |
| 34 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010052 | Nguyễn Thị Thu Hương      | 27/09/2004 | Nữ        |              |            |
| 35 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010060 | Vũ Tùng Lâm               | 11/10/2004 | Nam       |              |            |
| 36 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010066 | Đinh Thị Ly               | 12/03/2004 | Nữ        |              |            |
| 37 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010071 | Trần Thị Cẩm Ly           | 19/04/2004 | Nữ        |              |            |
| 38 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010079 | Lê Thị Trà My             | 09/10/2004 | Nữ        |              |            |
| 39 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010080 | Tô Thị Trà My             | 15/10/2004 | Nữ        |              |            |
| 40 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010082 | Trần Thị Khánh Mỹ         | 21/05/2004 | Nữ        |              |            |
| 41 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010083 | Nguyễn Thị Tuyết Nga      | 11/01/2004 | Nữ        |              |            |
| 42 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010087 | Nguyễn Hằng Nguyên        | 20/09/2004 | Nữ        |              |            |
| 43 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010089 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên    | 18/02/2004 | Nữ        |              |            |
| 44 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010104 | Dương Phú Thị Bích Phương | 01/03/2004 | Nữ        |              |            |
| 45 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010106 | Nguyễn Hồ Thu Quang       | 20/09/2004 | Nữ        |              |            |
| 46 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010113 | Nguyễn Thanh Sang         | 04/03/2004 | Nam       |              |            |
| 47 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010115 | Nguyễn Minh Tâm           | 29/03/2004 | Nữ        |              |            |
| 48 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010121 | Nguyễn Lương Thanh Thảo   | 03/07/2004 | Nữ        |              |            |
| 49 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010122 | Phạm Thị Diệu Thảo        | 18/08/2004 | Nữ        |              |            |
| 50 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010127 | Phạm Hồ Minh Thư          | 06/11/2004 | Nữ        |              |            |
| 51 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010130 | Đoàn Thanh Thương         | 24/06/2004 | Nữ        |              |            |
| 52 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010135 | Phan Thị Thuỳ Trang       | 11/11/2004 | Nữ        |              |            |
| 53 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010137 | Phạm Mai Trang            | 08/03/2004 | Nữ        |              |            |
| 54 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010142 | Nguyễn Hà Bảo Trân        | 08/08/2004 | Nữ        |              |            |
| 55 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010143 | Trần Huyền Trân           | 21/12/2004 | Nữ        |              |            |
| 56 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010162 | Nguyễn Thị Yến Vy         | 16/10/2004 | Nữ        |              |            |
| 57 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130011 | Trần Văn Tài              | 17/09/2004 | Nam       | Trưởng nhóm  | 0397339827 |
| 58 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130014 | Hồ Trọng Tính             | 21/07/2004 | Nam       |              |            |
| 59 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130025 | Phạm Lệ Hồng              | 13/09/2004 | Nữ        |              |            |
| 60 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130032 | Phan Hoàng Vỹ             | 25/06/1998 | Nữ        |              |            |
| 61 | Sư phạm Toán học  | SPToán | 4551010009 | Phạm Bùi Yến Nhi          | 30/05/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm  | 0339821145 |
| 62 | Sư phạm Toán học  | SPToán | 4551010015 | Nguyễn Minh Kha           | 23/03/2003 | Nam       |              |            |
| 63 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020004 | Phạm Thị Hồng Thắm        | 14/09/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm  | 0379404262 |
| 64 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020010 | Nguyễn Thị Thanh Nhân     | 14/09/2004 | Nữ        |              |            |

Ấn định danh sách có 64 sinh viên./.



DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SỰ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

TẠI TRƯỜNG: THPT SỐ 1 TRẦN CAO VÂN

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành              | Lớp  | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện                | Điện thoại |
|----|--------------------|------|------------|------------------------|------------|-----------|-----------------------------|------------|
| 1  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4456040031 | Nay H Ky               | 12/05/2003 | Nữ        |                             |            |
| 2  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040006 | Trịnh Ngọc Mỹ Hà       | 04/07/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0383170937 |
| 3  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040015 | H' Núi Niê             | 07/02/2003 | Nữ        |                             |            |
| 4  | Giáo dục Chính trị | GDCT | 4556040018 | Nguyễn Thanh Tiền      | 24/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 5  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020004 | Nguyễn Trần Chiêu      | 12/01/2003 | Nam       |                             |            |
| 6  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020014 | Lê Kim Huy             | 16/12/2004 | Nam       |                             |            |
| 7  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020026 | Võ Đặng Trung Thành    | 10/06/2002 | Nam       | Trưởng nhóm                 | 0822499613 |
| 8  | Giáo dục Thể chất  | GDTC | 4559020030 | Nguyễn Hoàng Bảo Trí   | 12/01/2004 | Nam       |                             |            |
| 9  | Sự phạm Địa lý     | SPDL | 4556030004 | Lê Hồng Ngọc           | 29/07/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0905395589 |
| 10 | Sự phạm Địa lý     | SPDL | 4556030007 | Đỗ Thị Thoa            | 16/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 11 | Sự phạm Hóa học    | SPHH | 4552010002 | Lâm Thị Thuý Kiều      | 30/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 12 | Sự phạm Hóa học    | SPHH | 4552010005 | Nguyễn Thị Kim Phi     | 07/05/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0866832174 |
| 13 | Sự phạm Lịch sử    | SPLS | 4556020007 | Trần Thị Thu Ngân      | 11/06/2004 | Nữ        | Trưởng ban/ Trưởng nhóm     | 0797380604 |
| 14 | Sự phạm Lịch sử    | SPLS | 4556020011 | Nguyễn Thị Lam Viên    | 04/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 15 | Sự phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010004 | Nguyễn Thị Vĩnh Hậu    | 12/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 16 | Sự phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010006 | Phạm Thị Thanh Liên    | 03/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 17 | Sự phạm Ngữ văn    | SPNV | 4556010014 | Ngô Võ Thị Thảo Vy     | 24/03/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0336991170 |
| 18 | Sự phạm Sinh học   | SPSH | 4553010003 | Trần Hồng Đức          | 01/04/2003 | Nam       |                             |            |
| 19 | Sự phạm Sinh học   | SPSH | 4553010011 | Đào Thị Thu Thảo       | 02/09/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0368405040 |
| 20 | Sự phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010001 | Lê Trường An           | 27/02/2004 | Nam       | Phó trưởng ban/ Trưởng nhóm | 0362593675 |
| 21 | Sự phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010003 | Hà Châu Anh            | 25/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 22 | Sự phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010004 | Nguyễn Trần Lan Anh    | 21/12/2004 | Nữ        |                             |            |
| 23 | Sự phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010005 | Nguyễn Trần Phương Anh | 21/12/2004 | Nữ        |                             |            |
| 24 | Sự phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010009 | Văn Thị Minh Anh       | 31/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 25 | Sự phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010017 | Võ Lê Linh Chi         | 13/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 26 | Sự phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010020 | Phạm Tấn Chúc          | 23/12/2003 | Nam       |                             |            |
| 27 | Sự phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010038 | Đặng Thị Thanh Hằng    | 15/12/2004 | Nữ        |                             |            |
| 28 | Sự phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010042 | Lê Thị Thu Hiền        | 15/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 29 | Sự phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010051 | Nguyễn Mai Hương       | 21/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 30 | Sự phạm Tiếng Anh  | C    | 4557010063 | Ngô Lê Thị Mỹ Linh     | 31/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 31 | Sự phạm Tiếng Anh  | A    | 4557010067 | Lê Nguyễn Hoàng Ly     | 15/08/2004 | Nữ        |                             |            |
| 32 | Sự phạm Tiếng Anh  | B    | 4557010074 | Nguyễn Văn Mạnh        | 01/01/2004 | Nam       |                             |            |



| TT | Ngành             | Lớp    | Mã SV      | Tên SV                   | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện         | Điện thoại |
|----|-------------------|--------|------------|--------------------------|------------|-----------|----------------------|------------|
| 33 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010093 | Nguyễn Thị Bảo Nhi       | 10/01/2004 | Nữ        |                      |            |
| 34 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010097 | Huỳnh Thị Cẩm Nhung      | 30/09/2004 | Nữ        |                      |            |
| 35 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010099 | Huỳnh Thị Quỳnh Như      | 16/12/2004 | Nữ        |                      |            |
| 36 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010100 | Phan Thị Quỳnh Như       | 25/04/2002 | Nữ        |                      |            |
| 37 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010105 | Nguyễn Bảo Phương        | 23/03/2004 | Nữ        |                      |            |
| 38 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010108 | Bùi Thị Kim Quy          | 07/05/2004 | Nữ        |                      |            |
| 39 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010116 | Phạm Thị Mỹ Tâm          | 18/11/2004 | Nữ        |                      |            |
| 40 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010125 | Dương Thị Khánh Thi      | 03/08/2004 | Nữ        |                      |            |
| 41 | Sư phạm Tiếng Anh | A      | 4557010132 | Nguyễn Thị Thủy Tiên     | 24/08/2004 | Nữ        |                      |            |
| 42 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010154 | Huỳnh Nguyễn Phương Uyên | 23/10/2004 | Nữ        |                      |            |
| 43 | Sư phạm Tiếng Anh | C      | 4557010156 | Nguyễn Tổ Uyên           | 15/11/2004 | Nữ        |                      |            |
| 44 | Sư phạm Tiếng Anh | B      | 4557010164 | Dương Thị Bảo Yến        | 23/12/2004 | Nữ        |                      |            |
| 45 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130001 | Ksor H' He A             | 01/12/2003 | Nữ        |                      |            |
| 46 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130006 | Nguyễn Hải Nam           | 08/02/2004 | Nam       | Trưởng nhóm          | 0934721648 |
| 47 | Sư phạm Tin học   | SPTin  | 4551130021 | Hoàng Minh Anh           | 06/06/2004 | Nữ        |                      |            |
| 48 | Sư phạm Toán học  | SPToán | 4551010005 | Nguyễn Thị Bảo Khanh     | 12/10/2004 | Nữ        |                      |            |
| 49 | Sư phạm Toán học  | SPToán | 4551010010 | Nguyễn Thị Uyên Phương   | 16/08/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm          | 0906573158 |
| 50 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020005 | Cao Nguyễn Thân          | 10/03/2004 | Nam       |                      |            |
| 51 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020009 | Nguyễn Hồng Hải Yến      | 24/04/2004 | Nữ        | Ủy viên/ Trưởng nhóm | 0382742422 |
| 52 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020012 | Trần Quốc Bảo            | 12/12/2004 | Nam       |                      |            |
| 53 | Sư phạm Vật Lý    | SPVL   | 4551020019 | Lê Thị Thảo Vy           | 02/09/2004 | Nữ        |                      |            |

Ấn định danh sách có 53 sinh viên./.





DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

TẠI TRƯỜNG: THPT SỐ 1 NGUYỄN THÁI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trường Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành             | Lớp   | Mã SV      | Tên SV                      | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện                | Điện thoại |
|----|-------------------|-------|------------|-----------------------------|------------|-----------|-----------------------------|------------|
| 1  | Giáo dục Thể chất | GDTC  | 4559020001 | Đỗ Lê Tuấn Anh              | 15/10/2004 | Nam       |                             |            |
| 2  | Giáo dục Thể chất | GDTC  | 4559020010 | Phạm Quang Hải              | 31/05/2004 | Nam       |                             |            |
| 3  | Giáo dục Thể chất | GDTC  | 4559020021 | Lê Quang Phúc               | 26/05/2003 | Nam       |                             |            |
| 4  | Giáo dục Thể chất | GDTC  | 4559020029 | Hồ Nhật Trí                 | 17/01/2004 | Nam       | Trưởng nhóm                 | 0356793297 |
| 5  | Sư phạm Hóa học   | SPHH  | 4552010003 | Đặng Thị Diệu Linh          | 29/11/2004 | Nữ        |                             |            |
| 6  | Sư phạm Hóa học   | SPHH  | 4552010012 | Phạm Trần Thanh Ngân        | 06/03/2004 | Nữ        | Trưởng ban/ Trưởng nhóm     | 0818171725 |
| 7  | Sư phạm Ngữ văn   | SPNV  | 4556010001 | Kpá Nguyệt Cầm              | 02/04/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0352447166 |
| 8  | Sư phạm Ngữ văn   | SPNV  | 4556010005 | Nguyễn Thị Thu Hương        | 26/01/2004 | Nữ        |                             |            |
| 9  | Sư phạm Sinh học  | SPSH  | 4453010040 | Đinh Thị Mỹ Duyên           | 27/06/2003 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0353994095 |
| 10 | Sư phạm Sinh học  | SPSH  | 4553010014 | Nguyễn Đức Ngọc Vân         | 24/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 11 | Sư phạm Tiếng Anh | C     | 4557010002 | Bùi Thị Lan Anh             | 02/05/2004 | Nữ        |                             |            |
| 12 | Sư phạm Tiếng Anh | A     | 4557010008 | Trương Lê Phương Anh        | 21/07/2004 | Nữ        |                             |            |
| 13 | Sư phạm Tiếng Anh | C     | 4557010025 | Trương Nhật Duy             | 17/03/2004 | Nam       |                             |            |
| 14 | Sư phạm Tiếng Anh | A     | 4557010027 | Phạm Nguyễn Út Duyên        | 08/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 15 | Sư phạm Tiếng Anh | C     | 4557010041 | Huỳnh Nguyễn Đức Hiền       | 01/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 16 | Sư phạm Tiếng Anh | A     | 4557010053 | Rmah Jmin                   | 10/04/2004 | Nam       |                             |            |
| 17 | Sư phạm Tiếng Anh | C     | 4557010062 | Lê Thị Ngọc Linh            | 21/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 18 | Sư phạm Tiếng Anh | A     | 4557010070 | Nguyễn Thị Trúc Ly          | 09/09/2004 | Nữ        |                             |            |
| 19 | Sư phạm Tiếng Anh | A     | 4557010073 | Bùi Xuân Mai                | 16/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 20 | Sư phạm Tiếng Anh | B     | 4557010076 | Hồ Thảo Minh                | 06/03/2004 | Nữ        |                             |            |
| 21 | Sư phạm Tiếng Anh | A     | 4557010107 | Nguyễn Văn Quân             | 13/06/2004 | Nam       | Phó trưởng ban/ Trưởng nhóm | 0346094297 |
| 22 | Sư phạm Tiếng Anh | B     | 4557010110 | Phạm Nữ Hạ Quyên            | 28/01/2004 | Nữ        |                             |            |
| 23 | Sư phạm Tiếng Anh | B     | 4557010119 | Trương Thị Thanh Tâm        | 26/10/2004 | Nữ        |                             |            |
| 24 | Sư phạm Tiếng Anh | A     | 4557010129 | Phạm Thị Anh Thư            | 26/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 25 | Sư phạm Tiếng Anh | C     | 4557010148 | Phạm Nguyễn Trần Quỳnh Trúc | 09/12/2004 | Nữ        |                             |            |
| 26 | Sư phạm Tiếng Anh | C     | 4557010150 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền      | 06/04/2004 | Nữ        |                             |            |
| 27 | Sư phạm Tiếng Anh | B     | 4557010151 | Trương Thị Xuân Tuyền       | 26/02/2004 | Nữ        |                             |            |
| 28 | Sư phạm Tiếng Anh | C     | 4557010152 | Nguyễn Trần Ngọc Tùng       | 27/07/2004 | Nam       |                             |            |
| 29 | Sư phạm Tiếng Anh | C     | 4557010155 | Nguyễn Phương Nhã Uyên      | 10/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 30 | Sư phạm Tiếng Anh | B     | 4557010159 | Nguyễn Thị Bích Vi          | 28/07/2002 | Nữ        |                             |            |
| 31 | Sư phạm Tiếng Anh | B     | 4557010165 | Đặng Huỳnh Phương Yến       | 29/06/2004 | Nữ        |                             |            |
| 32 | Sư phạm Tin học   | SPTin | 4551130002 | Nguyễn Lê Minh Châu         | 19/04/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm                 | 0886453411 |



| TT | Ngành            | Lớp    | Mã SV      | Tên SV              | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện         | Điện thoại |
|----|------------------|--------|------------|---------------------|------------|-----------|----------------------|------------|
| 33 | Sư phạm Tin học  | SPTin  | 4551130008 | Đoàn Nguyễn Hiu Nhi | 30/07/2003 | Nữ        |                      |            |
| 34 | Sư phạm Toán học | SPToán | 4551010004 | Hà Thị Mai Huyền    | 24/12/2004 | Nữ        |                      |            |
| 35 | Sư phạm Toán học | SPToán | 4551010006 | Hồ Thị Quỳnh Nga    | 03/10/2004 | Nữ        | Ủy viên/ Trưởng nhóm | 037481117  |
| 36 | Sư phạm Vật Lý   | SPVL   | 4551020003 | Trần Quang          | 17/12/2004 | Nam       |                      |            |
| 37 | Sư phạm Vật Lý   | SPVL   | 4551020006 | Nguyễn Hồ Thu Trang | 25/06/2004 | Nữ        | Trưởng nhóm          | 0328005446 |

Ấn định danh sách có 37 sinh viên./





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**TẠI TRƯỜNG: THPT HÙNG VƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành             | Lớp | Mã SV      | Tên SV                 | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|-------------------|-----|------------|------------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Sư phạm Tiếng Anh | A   | 4557010015 | Bùi Thị Hạnh Chi       | 18/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 2  | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010023 | Lâm Thị Thuỳ Diễm      | 09/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 3  | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010028 | Niê H' Đàm             | 02/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010032 | Phan Lê Hương Giang    | 19/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Sư phạm Tiếng Anh | A   | 4557010035 | Nguyễn Thị Hà          | 06/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 6  | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010036 | Trần Thu Hà            | 21/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 7  | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010039 | Lê Thị Thuý Hằng       | 29/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010054 | Nay H' Khanh           | 02/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 9  | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010069 | Lê Thị Trúc Ly         | 17/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010075 | Nguyễn Phạm Thuý Mẫn   | 07/06/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010078 | Huỳnh Nguyễn Thuý My   | 16/03/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010085 | Nguyễn Huỳnh Thuý Ngân | 15/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 13 | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010090 | Trần Thảo Nguyên       | 29/08/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0979142908 |
| 14 | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010111 | Hoàng Ngô Như Quỳnh    | 21/10/2004 | Nữ        | Trưởng ban     | 0944480608 |
| 15 | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010117 | Trần Lưu Thanh Tâm     | 18/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 16 | Sư phạm Tiếng Anh | A   | 4557010118 | Trần Thanh Tâm         | 24/09/2003 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0374641624 |
| 17 | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010133 | Bùi Thị Thanh Tiền     | 25/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 18 | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010140 | Trần Phạm Quỳnh Trâm   | 11/05/2004 | Nữ        |                |            |
| 19 | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010147 | Nguyễn Thị Thanh Trúc  | 22/10/2004 | Nữ        |                |            |

Ấn định danh sách có 19 sinh viên./



**DANH SÁCH ĐOÀN THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**TẠI TRƯỜNG: THPT SỐ 1 TUY PHƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHQN, ngày 19/01/2026 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Ngành             | Lớp | Mã SV      | Tên SV                    | Ngày sinh  | Giới tính | Ban đại diện   | Điện thoại |
|----|-------------------|-----|------------|---------------------------|------------|-----------|----------------|------------|
| 1  | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4457010039 | Nghiêm Phạm Thu Hà        | 09/11/2003 | Nữ        |                |            |
| 2  | Sư phạm Tiếng Anh | A   | 4557010007 | Trần Thị Vân Anh          | 11/11/2004 | Nữ        |                |            |
| 3  | Sư phạm Tiếng Anh | A   | 4557010013 | Hà Phạm Bảo Chân          | 13/10/2004 | Nữ        |                |            |
| 4  | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010026 | Lê Nguyễn Thuỳ Duyên      | 12/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 5  | Sư phạm Tiếng Anh | A   | 4557010043 | Phạm Phương Hiền          | 06/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 6  | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010055 | Huỳnh Nguyễn Tấn Khải     | 06/06/2004 | Nam       | Trưởng ban     | 0969487900 |
| 7  | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010058 | Ksor Nguyễn Hoài Ngọc Lâm | 12/04/2004 | Nữ        |                |            |
| 8  | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010064 | Nguyễn Hoài Bảo Linh      | 18/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 9  | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010068 | Lê Thị Cẩm Ly             | 07/02/2004 | Nữ        |                |            |
| 10 | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010081 | Y Trà My                  | 11/08/2004 | Nữ        |                |            |
| 11 | Sư phạm Tiếng Anh | A   | 4557010088 | Lê Thị Thảo Nguyên        | 30/12/2004 | Nữ        |                |            |
| 12 | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010102 | Trần Tấn Phát             | 16/11/2004 | Nam       |                |            |
| 13 | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010126 | Đào Minh Thư              | 03/09/2004 | Nữ        |                |            |
| 14 | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010131 | Mai Thị Hoài Thương       | 05/01/2004 | Nữ        |                |            |
| 15 | Sư phạm Tiếng Anh | A   | 4557010134 | Lê Quang Tiến             | 29/05/2004 | Nam       |                |            |
| 16 | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010144 | Trần Thu Trân             | 20/07/2004 | Nữ        |                |            |
| 17 | Sư phạm Tiếng Anh | C   | 4557010146 | Phạm Hoàng Anh Trọng      | 27/07/2004 | Nam       |                |            |
| 18 | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010149 | Trương Thanh Trúc         | 23/10/2004 | Nữ        | Phó trưởng ban | 0357837015 |
| 19 | Sư phạm Tiếng Anh | B   | 4557010158 | Võ Thị Thanh Vân          | 09/04/2004 | Nữ        | Ủy viên        | 0384178907 |

Ấn định danh sách có 19 sinh viên./.